

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 142/2023/DS-PT

Ngày: 31-3-2023

V/v tranh chấp hợp đồng quyền
sử dụng đất, bồi thường thiệt
hại tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Vạng.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Tấn Tạng;

Bà Lê Thị Trúc Phương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Bảo Quốc - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Ông Đỗ Trung Đền - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 10/, 30/3 và 31/3/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 351/2022/TLPT-DS ngày 09 tháng 11 năm 2022 về “Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, bồi thường thiệt hại tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 27/2022/DS-ST ngày 02 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 47/2023/QĐ-PT ngày 17 tháng 01 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Lê Văn C**, sinh năm 1951 (chết năm 2020); Địa chỉ: **Số D, đường P, Tổ C, khóm M, phường M, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.**

*Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông **Lê Văn C**:*

1.1. **Đỗ Thị A**, sinh năm 1951

1.2. Lê Khắc T, sinh năm 1976

Cùng địa chỉ: Số D, đường P, Tổ C, khóm M, phường M, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

1.3. Lê Thị Ngọc B, sinh năm 1970; Địa chỉ: Xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

1.4. Lê Khắc C1, sinh năm 1972; Địa chỉ: Khóm M, phường M, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

1.5. Lê Thị Ngọc D, sinh năm 1973; Địa chỉ: Khóm M, phường M, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

1.6. Lê Thị Ngọc T1, sinh năm 1978; Địa chỉ: Khóm M, phường M, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

1.7. Lê Thị Ngọc T2, sinh năm 1981; Địa chỉ: KP B, phường B, thị xã T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo ủy quyền của Đỗ Thị A, Lê Khắc T, Lê Thị Ngọc B, Lê Khắc C1, Lê Thị Ngọc D, Lê Thị Ngọc T1, Lê Thị Ngọc T2: Chị Nguyễn Thị Như Ý, sinh năm 1994; Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp (Hợp đồng ủy quyền ngày 21/6/2021).

2. Bị đơn:

2.1. Lê Quốc T3, sinh năm 1972;

2.2. Nguyễn Kim T4, sinh năm 1978.

Cùng địa chỉ: Tổ A, Khóm B, Phường A, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện theo ủy quyền của ông Lê Quốc T3, bà Nguyễn Kim T4 là anh Nguyễn Vĩnh T5, sinh năm 1990; Địa chỉ: Số A, đường P, Khóm C, Phường D, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp (Hợp đồng ủy quyền ngày 01/02/2023).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Mai Trọng N, sinh năm 1970;

3.2. Trần Dạ T6, sinh năm 1969;

Cùng địa chỉ: Số A, đường Đ, Tổ C, khóm M, phường M, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của anh Mai Trọng N, chị Trần Dạ T6 là

chị Phan Thị Thảo Q, sinh năm 1996, Địa chỉ: Tổ D, ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp (Văn bản ủy quyền ngày 03/02/2023).

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của anh Mai Trọng N, chị Trần Dạ T6: Luật sư Phạm Hoàng Đ- Công ty L3 - Chi nhánh Đ2; Địa chỉ: số G, Quốc lộ C, phường M, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

3.3. Nguyễn Văn T7, sinh năm 1947; Địa chỉ: Số D, đường P, Tổ C, khóm M, phường M, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

3.4. Đỗ Thị Á, sinh năm 1951;

3.5. Lê Khắc T, sinh năm 1976;

3.6. Trần Thị L, sinh năm 1977;

3.7. Lê Khắc N1, sinh năm 2000;

Cùng địa chỉ: Số D, đường P, Tổ C, khóm M, phường M, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của Đỗ Thị Á, Lê Khắc T, Trần Thị L, Lê Khắc N1: Chị Nguyễn Thị Như Ý, sinh năm 1994; Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp (Hợp đồng ủy quyền ngày 04/10/2019).

3.8. Đỗ Thanh P, sinh năm 1974; Địa chỉ: Tổ H, khóm T, phường H, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

3. Người kháng cáo:

Bà Đỗ Thị Á, anh Lê Khắc T, chị Trần Thị L, anh Lê Khắc N1, chị Lê Thị Ngọc B, anh Lê Khắc C1, chị Lê Thị Ngọc D, chị Lê Thị Ngọc T1, chị Lê Thị Ngọc T2 là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn.

Anh Mai Trọng N, chị Trần Dạ T6 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

(chị Ý có đơn xin xét xử vắng mặt, chị Q, anh T5, Luật sư Đ có mặt ngày 10/3/2023, 30/3/2023 nhưng vắng mặt ngày 31/3/2023).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Ông Lê Văn C trình bày và chị Nguyễn Thị Như Ý là người đại diện theo ủy quyền của những người kế thừa tố tụng của ông C trình bày: Ông C yêu cầu: Hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 30/12/2016

giữa ông **Lê Văn C** với ông **Lê Quốc T3**, đối với phần đất diện tích 25,9m², thuộc một phần thửa 1246; hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 25,9m², thuộc một phần diện tích 361,8m², thửa 1246, tờ bản đồ số 3, tại **phường M, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp**, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CG 401412 cấp cho ông **Lê Quốc T3**, bà **Nguyễn Kim T4** vào ngày 10/02/2017 để ông **C** sang tên quyền sử dụng đất cho anh **Mai Trọng N** và chị **Trần Dạ T6**.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, người đại diện ủy quyền của những người kế thừa tổ tụng của ông **C** thay đổi yêu cầu, cụ thể: Tuyên bố vô hiệu đối với hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 30/12/2016 diện tích đất đo đạc thực tế 6,4m²; hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất 6,4m²; yêu cầu bị đơn tháo dỡ, di dời phần nhà vệ sinh trên đất tranh chấp trả lại đất cho ông **C**.

Về nguồn gốc đất của ông **C** đã chuyển nhượng cho ông **Nguyễn Văn T7** 01 căn nhà và đất có diện tích 33,15m² thuộc một phần thửa đất số 537, tờ bản đồ số 04, theo “Đơn mua nhà và đất” ngày 03/6/2009, đã nhận đủ tiền như thỏa thuận, đã giao toàn bộ diện tích đất, căn nhà cho ông **T7** toàn quyền sử dụng và định đoạt.

Năm 2014 ông **T7** chuyển nhượng toàn bộ diện tích đất và nhà cho anh **Mai Trọng N** và chị **Trần Dạ T6** theo “Tờ mua bán nhà và đất” ngày 18/10/2014. Khi ông **T7** chuyển nhượng cho anh **N** và chị **T6** thì có thông báo cho ông **C** biết và ông **C** thống nhất.

Năm 2016, ông **C** được bà **Dương Thị Đ1** là người chuyên làm giấy tờ đất vào nhà kê ông **C** và các thành viên trong gia đình ký tên vào hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, bà **Đ1** nói là để sang tên cho anh **N**, chị **T6**. Do trước đây ông **C** đã thống nhất việc ông **T7** chuyển nhượng diện tích đất cho anh **N**, chị **T6** nên ông **C** và các thành viên trong gia đình gồm bà **Đỗ Thị Á**, anh **Lê Khắc T**, chị **Trần Thị L**, **Lê Khắc N1** đã ký tên. Đến năm 2018, khi ông **T4** tháo dỡ căn nhà thì phát sinh tranh chấp với anh **N**, chị **T6**, lúc này ông **C** mới biết đã nhầm lẫn khi ký tên vào hợp đồng chuyển nhượng cho ông **Lê Quốc T3** mà không phải chuyển nhượng cho anh **N**, chị **T6**. Do khi ký hợp đồng được công chứng tại nhà ông **C**, khi ký hợp đồng không có mặt ông **T3** và ông **C** hoàn toàn không biết, cũng không có bất kỳ thỏa thuận nào về việc

chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông T3. Tuy nhiên, người đại diện theo ủy quyền thừa nhận ông C và các thành viên trong gia đình đều biết đọc, biết viết.

Năm 2016, ông C xin tách thửa đất số 537 thành thửa đất số 937 diện tích 40,8m² và thửa đất số 936 diện tích 25,9m², cùng tờ bản đồ số 04. Ngày 30/12/2016, ông C cùng các thành viên trong gia đình ký hợp đồng tặng cho quyền sử dụng thửa đất số 937 cho con gái ông C là chị Lê Thị Ngọc D và ký hợp đồng chuyển nhượng nhằm lẫn cho ông Lê Quốc T3 thửa đất số 936, cùng tờ bản đồ số 04. Bà Đ1 là người làm thủ tục cho cả chị D và ông T3. Hiện nay, chị Lê Thị Ngọc D đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 937 tờ bản đồ số 04 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00547 ngày 17/01/2017.

Đối với bà Dương Thị Đ1 là người làm giấy tờ đất, kêu ông C ký hợp đồng chuyển nhượng nhằm lẫn cho bị đơn và bà Nguyễn Thị L1 là vợ ông T7, ông C và những người kế thừa tổ tụng của ông C đã nhận được thông báo của Tòa án yêu cầu cung cấp địa chỉ của bà Đ1, bà L1 nhưng ông C và những người kế thừa tổ tụng của ông C không biết địa chỉ nơi cư trú và cũng không có yêu cầu gì đối với những người này trong vụ án này.

Phần đất tranh chấp hiện nay do bị đơn ông Lê Quốc T3, bà Nguyễn Kim T4 quản lý sử dụng và đang cho ông Đỗ Thanh P thuê. Trên phần đất tranh chấp hiện nay có nhà vệ sinh do ông Đỗ Thanh P xây dựng để kinh doanh quán ăn.

Ông C đồng ý với yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Mai Trọng N và chị Trần Dạ T6, sau khi tuyên hủy một phần hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất vô hiệu và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 1246, tờ bản đồ bản đồ số 03 thì ông sẽ chuyển nhượng toàn bộ cho anh Mai Trọng N và chị Trần Dạ T6.

- Ông Lê Quốc T3 và bà Nguyễn Kim T4 (đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Vĩnh T5) trình bày: Không đồng ý toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn ông Lê Văn C (nay là những người kế thừa tổ tụng của ông C) và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Mai Trọng N, chị Trần Dạ T6.

Lý do khi ông T4 nhận chuyển nhượng nhà, đất từ anh Mai Trọng N, chị Trần Dạ T6 là nhận chuyển nhượng toàn bộ diện tích đất và nhà. Căn cứ là khi

thỏa thuận chuyển nhượng nhà, đất cho ông T4, anh N, chị T6 đã đưa toàn bộ bản chính tờ “Đơn mua nhà và đất” ngày 03/6/2009 của ông C và ông T7; “Tờ mua bán nhà và đất” ngày 18/10/2014 giữa ông T7 và anh N, chị T6.

Ông C (nay là những người kế thừa tổ tụng của ông C) cho rằng khi ký hợp đồng chuyển nhượng thửa đất số 936 cho ông T4 là nhằm lừa do ông C và các thành viên trong gia đình không biết việc chuyển nhượng giữa ông T4 và anh N, chị T6 là không đúng thực tế. Bởi việc ông C xin tách thửa đất số 537 thành thửa đất số 937 diện tích 40,8m² và thửa đất số 936 diện tích 25,9m², cùng tờ bản đồ số 04 sau đó tặng cho con gái là chị D và chuyển nhượng cho ông T4 cùng ngày 30/12/2016 thì không thể không biết việc ông T4 nhận chuyển nhượng từ anh N, chị T6. Ngoài ra, diện tích ông C tách thửa cho chị Lê Thị Ngọc D không đủ điều kiện tách thửa theo quy định nên ông có cho chị Lê Thị Ngọc D mượn phần đất từ vách nhà chị D qua 70cm để chị Lê Thị Ngọc D đứng tên trong thửa đất số 937, thể hiện bằng thỏa thuận ngày 17/01/2017.

Quá trình tách nhập thửa đất thành thửa số 1246, tờ bản đồ bản đồ số 03, cụ thể: Ngày 16/10/2016, ông T4 có thỏa thuận cùng anh Mai Trọng N chuyển nhượng phần đất diện tích ngang 10m dài từ vỉa hè đường Đ đến vỉa hè sau đường P (khoảng 40m) với giá 3.900.000.000 đồng. Khi thỏa thuận thì các bên chưa đo đạc thực tế mà chỉ ước chừng diện tích. Để có được diện tích như hai bên thỏa thuận, anh Mai Trọng N đã chuyển nhượng thửa đất 188, diện tích 231,3m² và thửa đất số 93 diện tích 193m², cùng thuộc tờ bản đồ số 3 bằng hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 23/12/2016; đồng thời chuyển nhượng toàn bộ diện tích mà anh N nhận chuyển nhượng từ ông T7 cho ông T4, việc này ông N đã thông báo cho ông C làm hợp đồng với ông T4 và các bên ký kết hợp đồng ngày 30/12/2016. Tuy nhiên, khi nhận chuyển nhượng 03 thửa đất số 188, thửa đất số 93 và thửa đất số 936 thì diện tích lớn hơn phần các bên thỏa thuận nên ông T4 đã thực hiện việc tách, nhập các thửa đất để trả lại phần đất chênh lệch cho anh N, cụ thể: Sau khi làm các hợp đồng chuyển nhượng thì ông T4 xin nhập thửa đất số 936 và thửa đất số 188 thành thửa đất số 1236, diện tích 257,2m², sau đó xin tách thửa đất số 1236 thành thửa đất số 1243 và thửa đất 1244. Đối với thửa đất số 93, ông T4 xin tách thành thửa đất số 1241 và thửa đất 1242. Sau đó, ông T4 xin nhập thửa đất số 1242 và thửa đất số 1244 thành thửa đất số 1246 do ông Lê Quốc T3, bà

Nguyễn Kim T4 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; ông T4 cũng xin nhập thửa đất số 1241 và thửa đất số 1243 thành thửa đất số 1245 giao lại cho anh Mai Trọng N đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 1246, tờ bản số 03 hiện nay ông T4 đang giữ bản chính, không có thể chấp cho cá nhân, tổ chức nào.

Sau khi các bên hoàn tất thủ tục sang tên, trả tiền theo thoả thuận thì anh N và chị T6 thuê lại toàn bộ diện tích đất để làm cơ sở kinh doanh rửa xe từ năm 2016, sự việc chỉ phát sinh tranh chấp khi năm 2018 ông T4 không cho anh N, chị T6 thuê đất.

Đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại tài sản của anh N, chị T6 thì khi chuyển nhượng đất cho ông T4, anh N, chị T6 đã chuyển nhượng toàn bộ tài sản trên đất và đã bàn giao lại toàn bộ cho ông T4 nên việc ông T4 tháo dỡ, xây dựng mới là quyền của ông T4 và không gây thiệt hại gì cho anh N, chị T6.

Đối với bà Dương Thị Đ1 là người làm giấy tờ đất và bà Nguyễn Thị L1 là vợ ông T7, bị đơn đã nhận được thông báo của Tòa án yêu cầu cung cấp địa chỉ của bà Đ1, bà L1 nhưng bị đơn không biết địa chỉ nơi cư trú và cũng không có yêu cầu gì đối với những người này trong vụ án này.

Phần đất tranh chấp hiện nay do ông Lê Quốc T3, bà Nguyễn Kim T4 quản lý sử dụng và đang cho ông Đỗ Thanh P thuê. Đối với hợp đồng cho thuê đất với ông P thì bị đơn không có tranh chấp, không có yêu cầu gì. Đối với yêu cầu tháo dỡ di dời của nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nếu Toà án buộc tháo dỡ di dời thì ông T4 và ông P sẽ tự nguyện tháo dỡ, di dời, không có yêu cầu gì khác trong vụ án này; các thiệt hại có thể xảy ra ông T4 và ông P sẽ tự thoả thuận.

Đối với yêu cầu giám định giọng nói của ông Lê Quốc T3, do ông T3 bận làm ăn nên không thể cung cấp giọng nói để làm mẫu giám định và không có ý kiến, không có yêu cầu giám định lại.

- Ông Mai Trọng N và chị Trần Dạ T6 (đại diện theo ủy quyền là chị Nguyễn Thị Thảo Q1) trình bày: Anh N, chị T6 có yêu cầu độc lập, cụ thể: Yêu cầu tuyên bố vô hiệu đối với hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 30/12/2016 giữa ông Lê Văn C với ông Lê Quốc T3 đối với diện tích đất đo đạc thực tế 6,4m² trong phạm vi các mốc 4, 5, 6, 8 về mốc 4 theo sơ đồ đo

đạt ngày 25/10/2019 thuộc một phần thửa 1246, tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại đường P, phường M, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp; hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất 6,4m² thuộc một phần diện tích đất 361,8m² thửa 1246, tờ bản đồ số 3 do Ủy ban nhân dân thành phố C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Lê Quốc T3 và bà Nguyễn Kim T4 ngày 10/02/2017, đất tọa lạc tại đường P, phường M, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp; Buộc ông Lê Văn C có trách nhiệm thực hiện thủ tục sang tên 6,4m² nêu trên cho anh Mai Trọng N, chị Trần Dạ T6; Buộc ông Lê Quốc T3, bà Nguyễn Kim T4 tháo dỡ di dời tài sản trả lại phần đất tranh chấp; Buộc ông Lê Quốc T3, bà Nguyễn Kim T4 phải có trách nhiệm liên đới trả bồi thường thiệt hại nhà vệ sinh và nhà bếp do ông T4, bà Kim T4 tự đập phá tổng số tiền 5.000.000đ (năm triệu đồng).

Về quá trình nhận chuyển nhượng từ ông Nguyễn Văn T7 thì anh N, chị T6 thống nhất như nguyên đơn trình bày. Năm 2014, sau khi nhận chuyển nhượng đất từ ông T7 thì anh N, chị T6 đã toàn quyền sử dụng, định đoạt đối với phần đất có diện tích 33,15m² theo Đơn mua nhà và đất ngày 03/6/2009.

Năm 2016, anh có thỏa thuận chuyển nhượng đất như bị đơn ông Lê Quốc T3 trình bày. Tuy nhiên, theo Biên nhận ngày 16/10/2016 thì các bên chỉ chuyển nhượng chiều ngang giáp đường Đ là 10m, dài từ Đ đến đường P (khoảng 40m). Hiện nay, bị đơn đứng tên giấy chứng nhận phía giáp với đường P chiều ngang 12,01m nên phần diện tích đất 6,4m² nằm trong các mốc 4, 5, 6, 8 về mốc 4 theo sơ đồ đo đạc anh N, chị T6 không có chuyển nhượng cho ông T3. Khi thỏa thuận mua bán với ông T3 thì các bên có đo đạc thực tế nhưng tại phiên toà anh N, chị T6 không cung cấp được chứng cứ. Đối với diện tích 6,4m² đất tranh chấp không chuyển nhượng cho ông T3 có chứng cứ là nội dung ghi trong Biên nhận ngày 16/10/2016 và nội dung trong đoạn hội thoại đã giám định thể hiện ông T3 có gọi cho chị T6 để yêu cầu trả thêm tiền phần đất anh N, chị T6 không chuyển nhượng cho ông T3, ngoài ra không còn chứng cứ nào khác, về quá trình tách nhập thửa và sang tên thửa đất số 1246 và thửa đất số 1245 thì thống nhất như bị đơn trình bày.

Sau khi chuyển nhượng cho ông T3 năm 2016 thì nhà bếp và nhà vệ sinh trên đất tranh chấp anh N, chị T6 dùng là nơi ở cho cháu để trông coi việc kinh doanh rửa xe. Anh N, chị T6 hoàn toàn không có thông báo cho ông C việc làm thủ tục chuyển nhượng thửa đất số 936 cho ông T3. Anh N, chị T6 chỉ biết

8

sự việc khi năm 2018 không tiếp tục thuê đất thì ông T3 tự ý tháo dỡ phần nhà bếp và nhà vệ sinh trên phần đất tranh chấp.

Đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại, hiện nay căn nhà đã bị ông T3 tháo dỡ nên anh N, chị T6 căn cứ vào Biên bản hoà giải ngày 25/12/2020 thì đại diện của ông T3 cũng thống nhất hỗ trợ bồi thường 5.000.000 đồng.

Đối với bà Dương Thị Đ1 là người làm giấy tờ đất và bà Nguyễn Thị L1 là vợ ông T7, anh N, chị T6 đã nhận được thông báo của Tòa án yêu cầu cung cấp địa chỉ của bà Đ1, bà L1 nhưng không biết địa chỉ nơi cư trú và cũng không có yêu cầu gì đối với những người này trong vụ án này.

Anh N, chị T6 có yêu cầu những người kế thừa tổ tụng của ông C có trách nhiệm thực hiện thủ tục sang tên 6,4m² trong trường hợp Toà án chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Trường hợp Toà án không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn thì anh N, chị T6 không có yêu cầu, tranh chấp nào khác có liên quan, nếu có sẽ khởi kiện bằng vụ án khác.

Đối với yêu cầu giám định giọng nói của ông Lê Quốc T3, anh N, chị T6 không thể cung cấp giọng nói của ông T3 làm mẫu đối chiếu giám định như Thông báo cung cấp chứng cứ của Toà án.

Ông Nguyễn Văn T7 trình bày: Ông có nhận chuyển nhượng nhà và đất diện tích 33,15m² từ ông C năm 2009, ông đã trả đủ tiền và ông C đã bàn giao nhà đất cho ông như thoả thuận. Năm 2014, ông chuyển nhượng toàn bộ diện tích đất và nhà cho anh Mai Trọng N và chị Trần Dạ T6 theo “Tờ mua bán nhà và đất” ngày 18/10/2014. Khi chuyển nhượng cho anh N và chị T6 thì có thông báo cho ông C biết và ông C thống nhất, không có ý kiến gì. ông T7 đã nhận đủ tiền và giao toàn bộ nhà, đất cho anh Mai Trọng N và chị Trần Dạ T6 toàn quyền quản lý sử dụng và định đoạt. Ngoài ra, không còn ý kiến gì khác, không có yêu cầu nào khác.

- Ông Đỗ Thanh P trình bày: Hiện nay, ông là người thuê thửa đất 1246, tờ bản đồ số 03 đất tọa lạc tại phường M, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp, trên phần đất tranh chấp hiện ông xây dựng nhà vệ sinh để kinh doanh quán ăn. Trường hợp Toà án chấp nhận yêu cầu nguyên đơn ông sẽ tự nguyện tháo dỡ di dời, không có yêu cầu gì, trường hợp nếu có tranh chấp với ông Lê Quốc T3 sẽ khởi kiện bằng vụ án khác.

Tại Bản án sơ thẩm số 27/DS-ST ngày 02/6/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh đã quyết định:

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn **Lê Văn C**.

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh **Mai Trọng N** và chị **Trần Dạ T6**.

Ông **Lê Quốc T3**, bà **Nguyễn Kim T4** được tiếp tục quản lý sử dụng phần đất có diện tích 6,4m² trong phạm vi các mốc 4, 5, 6, 8 về mốc 4 theo sơ đồ đo đạc ngày 25/10/2019 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố C, thuộc một phần thửa đất số 1246, tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại đường P, phường M, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp do ủy ban nhân dân thành phố C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CG 401412 cho ông **Lê Quốc T3**, bà **Nguyễn Kim T4** vào ngày 10/02/2017.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá, chi phí giám định, quyền và thời hạn kháng cáo, quyền, nghĩa vụ và thời hiệu thi hành án của các đương sự theo quy định của pháp luật.

- Ngày 16/6/2022, bà **A**, ông **T**, bà **L1**, ông **N1**, bà **B**, ông **C1**, bà **D**, bà **T1**, bà **T2**, ông **N**, bà **T6** kháng cáo yêu cầu xem xét lại bản án sơ thẩm theo thủ tục phúc thẩm.

- Tại phiên tòa phúc thẩm:

+ Chị **Phan Thị Thảo Q** trình bày: Anh **Mai Trọng N** và chị **Trần Dạ T6** yêu cầu hủy một phần hợp đồng chuyển nhượng giữa ông **Lê Văn C** và ông **Lê Quốc T3** đối với diện tích 6,4m². Hủy một phần giấy chứng nhận QSDĐ cấp cho ông **Quốc T3** đối với diện tích đất tranh chấp. Thực hiện đúng hợp đồng chuyển nhượng giữa vợ chồng anh **N** và ông **Quốc T3**. Ông **Quốc T3** phải di dời tài sản trả diện đất 6,4m². Ông **Quốc T3** phải bồi thường thiệt hại tài sản 5.000.000đ.

+ Ông **Nguyễn Vĩnh T5** trình bày: Ông **Quốc T3** không thỏa thuận được với những người kế thừa QNVTT của ông **C** và vợ chồng anh **N**, chị **T6**, yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến về giải quyết vụ án:

+ Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự, đều thực hiện đúng quy định của pháp luật.

+ Về nội dung: Nhận thấy, theo đơn mua nhà đất ngày 03/6/2009 giữa ông C và ông T7 và tờ mua bán nhà đất ngày 18/10/2014 giữa ông T7 và anh N, xác định ông C chuyển nhượng cho Tập 33,15m² thửa 537 trên đất có căn nhà và ông T7 chuyển nhượng lại cho anh N. Ông T7 đã thông báo cho ông C biết và như vậy quyền quyết định về nhà đất là của anh N.

Năm 2016, anh N, chị T6 chuyển nhượng cho ông Quốc T3 thửa 188 và thửa 93, hai bên có làm giấy viết tay ghi chiều ngang 10m dài từ đường Đ đến đường P khoảng 40m và chuyển nhượng luôn diện tích 33,15m². Sau đó anh N đưa giấy tờ cho ông Quốc T3 để hoàn thành thủ tục chuyển nhượng, nên phía ông T3 làm trực tiếp hợp đồng với ông C ngày 30/12/2016. Anh N cho rằng chỉ chuyển nhượng cho ông Quốc T3 20,4m² trong diện tích 33,15m² là không phù hợp, vì trên đất có căn nhà do ông C đã chuyển nhượng. Do đó ông Quốc T3 trình bày là có căn cứ. Bên cạnh đó khi thực hiện xong việc tách nhập thửa đất thì phía ông Quốc T3 có cho anh N thuê lại thửa 1246 để làm tiệm rửa xe, nên phía anh N cho rằng không biết ông Quốc T3 làm thủ tục chuyển nhượng toàn bộ diện tích trên là không phù hợp. Đối với ông C chỉ có trách nhiệm làm thủ tục theo quy định cho người nhận chuyển nhượng theo thỏa thuận của các bên, nên ông C và các thành viên trong gia đình cho là nhầm lẫn là không có căn cứ. Do đó đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của những người kế thừa QNVTT của ông C và không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của vợ chồng anh N, chị T6. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông C khởi kiện đối với ông Quốc T3 về việc tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ, Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền. Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn gồm bà Á, ông T, bà L1, ông N1, bà B, ông C1, bà D, bà T1, bà T2 kháng cáo và anh N, chị T6 kháng cáo trong thời hạn nên chấp nhận. Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông C (người kế thừa

QNVTT của ông C) ủy quyền cho chị Q; ông Quốc T3 và bà Kim Thanh ử cho anh T5 thủ tục ủy quyền tham gia tố tụng tại phiên tòa phúc thẩm đúng quy định nên chấp nhận.

[2] Nguồn gốc đất tranh chấp là của ông C diện tích 6,4m² thuộc một phần thửa 1246 tờ bản đồ số 03, giấy chứng nhận QSDĐ cấp cho ông Quốc T3 và bà Kim T4 vào ngày 10/02/2017 (diện tích cấp giấy 361,8m²), đất tại phường M, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp. Những người kế thừa QNVTT của ông C và anh N, chị T6 yêu cầu tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng ngày 30/12/20216 giữa ông C và ông Quốc T3 vô hiệu đối với phần diện tích 6,4m² nói trên. Chị Q cho rằng anh N, chị T6 không có chuyển nhượng diện tích đất tranh chấp cho ông Quốc T3, vì phải để lại đất cho cháu của vợ chồng anh N sử dụng làm nơi ở (có một phần căn nhà) trông coi việc rửa xe.

Theo vợ chồng anh N thừa nhận là có thỏa thuận chuyển nhượng nhà, đất cho ông Quốc T3 nhưng phần đất chuyển nhượng ngang 10m dài từ đường P đến đường Đ khoảng 40m và chỉ chuyển nhượng một phần căn nhà nằm trong diện tích đất này. Nhận thấy, tờ biên nhận ngày 16/10/2016 thể hiện anh N bán đất cho ông Quốc T3 có nội dung ghi diện tích như vợ chồng anh N trình bày và đã nhận đủ số tiền 3.900.000.000đ. Tuy nhiên ghi diện tích đất chỉ là ước tính khoảng 400m² và thực tế kích thước và diện tích của thửa đất 188 không đủ như thỏa thuận, nên anh N mới chuyển nhượng đất và nhà mua của ông T7 (có đưa tờ mua bán nhà và đất của ông T7 ngày 18/10/2014 cho ông Quốc Thanh g). Vì vậy vợ chồng anh N cho rằng chỉ chuyển nhượng chiều ngang giáp đường P 10m là không có cơ sở.

Xét hợp đồng chuyển nhượng ngày 30/12/2016 giữa ông C2 và ông Q2: Trên thực tế vợ chồng anh N giao cho ông Quốc T3 “Đơn mua nhà và đất ngày 03/6/2009” với nội dung ông C bán cho ông T7 một căn nhà và diện tích 33,15m² thuộc một phần thửa 537 và “Tờ mua bán nhà và đất ngày 18/10/2014” với nội dung ông T7 bán nhà đất này lại cho vợ chồng anh N. Sau khi vợ chồng anh N mua nhà đất của ông T7 thì tiếp tục bán lại cho ông Quốc T3 như nói trên. Như vậy theo nội dung tờ biên nhận ngày 16/10/2016 và được chị Q xác nhận ông Quốc T3 là người chịu trách nhiệm làm thủ tục chuyển nhượng nên ngày 30/12/2016 ông C và ông Q3 mới ký kết hợp đồng chuyển nhượng đối với thửa đất số 936, diện tích 25,9m² (thửa đất số 537 tách thành thửa số 936 và số 937), đồng thời ông C ký hợp đồng tặng cho chị Lê Thị

12

Ngọc D thừa đất số 937. Ông C là người phải có trách nhiệm làm thủ tục theo quy định cho người nhận chuyển nhượng theo thỏa thuận của các bên, vì vậy ông C khởi kiện yêu cầu tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng giữa ông C và ông Quốc T3 vô hiệu vì nhầm lẫn là không có cơ sở để chấp nhận.

Mặt khác việc lập thủ tục cấp giấy chứng nhận cho ông T3 thì ông Quốc T3 thực hiện thủ tục tách nhập các thửa đất có liên quan thì vợ chồng anh N không có ý kiến gì, cụ thể: Tách thửa 537 thành thửa 936, 937. Nhập thửa 188, 936 thành thửa 1236. Tách thửa 1236 thành thửa 1243, 1244. Tách thửa 93 thành thửa 1241, 1242. Nhập thửa 1242, 1244 thành thửa 1246 để cấp giấy chứng nhận cho ông Quốc T3 ngày 10/02/2017 diện tích 361,8m². Nhập thửa 1241, 1243 thành thửa 1245 cấp lại giấy chứng nhận cho anh N. Đối với phần nội dung ghi âm tiếng nói của ông Quốc T3 cũng không thể hiện ông Quốc T3 xác nhận diện tích 6,4m² là của anh N, chị T6 và không rõ thời điểm ghi âm. Qua đó cho thấy việc ông C ký hợp đồng với ông Quốc T3 để chuyển nhượng thửa 936 diện tích 25,9m² mà không ký hợp đồng với anh N và chị T6, đồng thời anh N nhận giấy chứng nhận thửa 1245 từ năm 2017 cũng không khiếu nại gì đã thể hiện giữa ông C và anh N có sự thống nhất diện tích chuyển nhượng cho ông Quốc T3. Tại phiên tòa chị Q không cung cấp được chứng cứ mới chứng minh khi vợ chồng anh N đưa cho ông Quốc Thanh t mua bán nhà đất ngày 03/6/2009 và ngày 18/10/2014 để ông Q3 làm căn cứ thực hiện thủ tục tách nhập thửa chuyển quyền sử dụng sang tên qua cho ông Quốc T3 là phải chừa lại diện tích 6,4m², trong khi đó phần diện tích tranh chấp thuộc phạm vi căn nhà đã thỏa thuận bán cho ông Quốc T3. Vì vậy kháng cáo của người kế thừa QNVTT của ông C và kháng cáo của vợ chồng anh N yêu cầu tuyên bố một phần hợp đồng chuyển nhượng vô hiệu đối với diện tích 6,4m² là không có cơ sở.

[3] Đối với việc vợ chồng anh N yêu cầu bồi thường thiệt hại tài sản: Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ thỏa thuận chuyển nhượng nguyên căn nhà, nên ông Quốc T3 tháo dỡ căn nhà thuộc quyền sở hữu là phù hợp, không chấp nhận yêu cầu bồi thường là có căn cứ. Do đó yêu cầu kháng cáo của vợ chồng Nghĩa là không có cơ sở để chấp nhận.

[4] Đại diện Viện kiểm sát Tỉnh đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của những người kế thừa QNVTT của ông C và anh N, chị T6. Giữ nguyên bản án sơ thẩm là có cơ sở nên chấp nhận.

Do đó không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của những người kế thừa QNVTT của ông C và anh N, chị T6. Giữ nguyên bản án sơ thẩm là có cơ sở. Các phần khác không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

[5] Án phí: Những người kế thừa QNVTT của ông C phải liên đới chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm 300.000đ. Anh N, chị T6 phải liên đới chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm 300.000đ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39, 147, 148, 157, 165, 227, 244, khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 126, Điều 584, Điều 688 của Bộ luật dân sự 2015; Điều 100, 105, 166, 170, 188, 203, 205 của Luật đất đai 2013; khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của những người kế thừa QNVTT của ông C gồm bà Đỗ Thị A, ông Lê Khắc T, bà Trần Thị L, ông Lê Khắc N1, bà Lê Thị Ngọc B, ông Lê Khắc C1, bà Lê Thị Ngọc D, bà Lê Thị Ngọc T1, bà Lê Thị Ngọc T2 và không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Mai Trọng N, bà Trần Dạ T6.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

2. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn C (những người kế thừa QNVTT của ông C gồm bà Đỗ Thị A, ông Lê Khắc T, bà Trần Thị L2, ông Lê Khắc N1, bà Lê Thị Ngọc B, ông Lê Khắc C1, bà Lê Thị Ngọc D, bà Lê Thị Ngọc T1, bà Lê Thị Ngọc T2).

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu độc lập của ông Mai Trọng N và bà Trần Dạ T6.

Ông Lê Quốc T3, bà Nguyễn Kim T4 được tiếp tục quản lý sử dụng phần đất có diện tích 6,4m² trong phạm vi các mốc 4, 5, 6, 8 về mốc 4 theo sơ đồ đo đạc ngày 05/4/2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố C, thuộc một phần thửa đất số 1246, tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại đường P, phường M, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp do Ủy ban nhân dân thành phố C cấp

giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CG 401412 cho ông **Lê Quốc T3**, bà **Nguyễn Kim T4** vào ngày 10/02/2017.

3. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Những người kế thừa tổ tụng của ông **Lê Văn C** gồm **Đỗ Thị Á**, **Lê Khắc T**, **Lê Thị Ngọc B**, **Lê Khắc C1**, **Lê Thị Ngọc D**, **Lê Thị Ngọc T1**, **Lê Thị Ngọc T2** phải chịu số tiền 1.754.500 đồng, được khấu trừ vào chi phí đã nộp tạm ứng là 3.509.000 đồng. Như vậy, những người kế thừa tổ tụng của ông **Lê Văn C** gồm **Đỗ Thị Á**, **Lê Khắc T**, **Lê Thị Ngọc B**, **Lê Khắc C1**, **Lê Thị Ngọc D**, **Lê Thị Ngọc T1**, **Lê Thị Ngọc T2** được nhận lại 1.754.500 đồng.

Anh **Mai Trọng N**, chị **Trần Dạ T6** phải chịu số tiền 1.754.500 đồng để trả lại cho những người kế thừa tổ tụng của ông **Lê Văn C**.

4. Về chi phí định giá: Ông **Lê Quốc T3** tự nguyện chịu số tiền là 600.000 đồng (đã nộp tạm ứng và chi xong).

5. Về chi phí giám định: Anh **Mai Trọng N**, chị **Trần Dạ T6** phải chịu 1.000.000 đồng (đã nộp tạm ứng và chi xong).

6. Về án phí: Những người kế thừa tổ tụng của ông **Lê Văn C** gồm **Lê Khắc T**, **Lê Thị Ngọc B**, **Lê Khắc C1**, **Lê Thị Ngọc D**, **Lê Thị Ngọc T1**, **Lê Thị Ngọc T2** phải liên đới chịu số tiền 300.000 đồng án phí đối với yêu cầu tuyên bố vô hiệu hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 30/12/2016 giữa ông **Lê Văn C** với ông **Lê Quốc T3**, diện tích 6,4m² trong phạm vi các mốc 4, 5, 6, 8 về mốc 4 theo sơ đồ đo đạc ngày 25/10/2019 của Chi nhánh **Văn phòng đăng ký đất đai thành phố C**, thuộc một phần thửa đất số 1246, tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại **đường P, phường M, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp**; 300.000 đồng án phí đối với yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích đất 6,4m² thuộc một phần diện tích đất 361,8m² thửa đất số 1246, tờ bản đồ số 3 do **Ủy ban nhân dân thành phố C** cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông **Lê Quốc T3** và bà **Nguyễn Kim T4** ngày 10/02/2017, đất tọa lạc tại **đường P, phường M, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp** và 1.171.000 đồng án phí đối với yêu cầu ông **Lê Quốc T3** trả lại diện tích 6,4m² trong phạm vi các mốc 4, 5, 6, 8 về mốc 4 theo sơ đồ đo đạc ngày 25/10/2019, thuộc một phần thửa đất số 1246 tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại **đường P, phường M, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp**. Tổng cộng những người kế thừa tổ tụng của ông **Lê Văn C** gồm **Lê Khắc T**, **Lê**

Thị Ngọc B, Lê Khắc C1, Lê Thị Ngọc D, Lê Thị Ngọc T1, Lê Thị Ngọc T2 phải chịu 1.771.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Đỗ Thị Á được miễn án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm.

Những người kế thừa tổ tụng của ông Lê Văn C gồm Lê Khắc T, Lê Thị Ngọc B, Lê Khắc C1, Lê Thị Ngọc D, Lê Thị Ngọc T1, Lê Thị Ngọc T2 liên đới chịu số tiền 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.200.000đ đồng theo biên lai tạm ứng án phí số 0011272 ngày 21/6/2022 và số 0011286, số 0011287, số 0011288 cùng ngày 24/6/2022, của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Vậy ông T, bà B, ông C1, bà D, bà T1, bà T2 được nhận lại 900.000đ.

Anh Mai Trọng N, chị Trần Dạ T6 phải liên đới chịu 300.000 đồng án phí đối với yêu cầu tuyên bố vô hiệu hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 30/12/2016 giữa ông Lê Văn C với ông Lê Quốc T3 diện tích 6,4m² trong phạm vi các mốc 4, 5, 6, 8 về mốc 4 theo sơ đồ đo đạc ngày 25/10/2019 thuộc một phần thửa đất số 1246, tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại đường P, phường M, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp; 300.000 đồng án phí đối với yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích đất 6,4m² thuộc một phần diện tích đất 361,8m² thửa đất số 1246, tờ bản đồ số 3 do Ủy ban nhân dân thành phố C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Lê Quốc T3 và bà Nguyễn Kim T4 ngày 10/02/2017, đất tọa lạc tại đường P, phường M, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp và 1.366.000 đồng án phí đối với yêu cầu ông Lê Quốc T3 trả lại diện tích 6,4m² trong phạm vi các mốc 4, 5, 6, 8 về mốc 4 theo sơ đồ đo đạc ngày 25/10/2019 thuộc một phần thửa đất số 1246, tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại đường P, phường M, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp cho ông C và buộc hộ ông Lê Văn C có trách nhiệm thực hiện thủ tục sang tên 6,4m² nêu trên cho anh Mai Trọng N, chị Trần Dạ T6; 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại tài sản. Tổng cộng, anh Mai Trọng N, chị Trần Dạ T6 phải chịu 2.266.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 600.000 đồng theo biên lai tạm ứng án phí số 0004800 và số 0004801 ngày 11/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Như vậy số tiền án phí dân sự sơ thẩm anh Mai Trọng N, chị Trần Dạ T6 còn phải nộp là 1.666.000 đồng.

Anh **Mai Trọng N**, chị **Trần Dạ T6** phải liên đới chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 600.000đ đồng theo biên lai tạm ứng án phí số 0011273 ngày 21/6/2022 và số 0011285 ngày 24/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Vậy anh **N**, chị **T6** được nhận lại số tiền 300.000đ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- Phòng KTNV và THA TAND tỉnh ĐT;
- TAND thành phố Cao Lãnh;
- Chi cục THADS thành phố Cao Lãnh;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Vạng